

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2026.
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Hải.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 492/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2025, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn M - sinh ngày 19/12/1968, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Thị Hoành – sinh ngày 06/9/1959, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M như sau:

Ông sống chung với bà Thị H vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện, ông bà không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bà không còn tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống. Ông bà sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Hiện ông bà không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và ông không còn tình cảm đối với bà Thị H nên ông xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Thị H.

Thời gian chung sống ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan ông bà không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Thị H.

Về con chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thị H trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn M về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung, tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn M và bà Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Ông Nguyễn Văn M và bà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông Nguyễn Văn M và bà Thị H không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử

cũng như nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M và bà Thị H.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Thị H sống chung với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện nhưng hai bên không có tổ chức đám cưới theo phong tục và ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Trong quá trình chung sống, ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn M và bà Thị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Thị H xác định ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn M và bà Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011362, ngày 10/12/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9 và 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn M và bà Thị H là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011362, ngày 10/12/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang